| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>TỈNH TÂY NINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 164/2018/QĐST-HNGĐ | *Châu Thành, ngày 07 tháng* 5 *năm 2018.* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 223/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim N**,** sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

- Chị Lê Thị Kim N**,** sinh năm 1970

Địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh

- Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*** Về quan hệ hôn nhân**: Chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Minh S thuận tình ly hôn.

*** Về con chung:** Chị Lê Thị Kim N tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng một con chung tên Nguyễn Tấn D , sinh ngày 21/12/2008. Anh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*** Tài sản chung**: Chị N và anh S khai Không yêu cầu giải quyết; Nợ chung: Chị N, anh S khai không có.

*** Về án phí**: Chị Lê Thị Kim N tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018961 ngày 23 tháng 3 năm 2018, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị N được hoàn trả lại cho số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền chênh lệch.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện CT;
- UBND thị trấn T
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**
**( ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Thị Minh Bình**